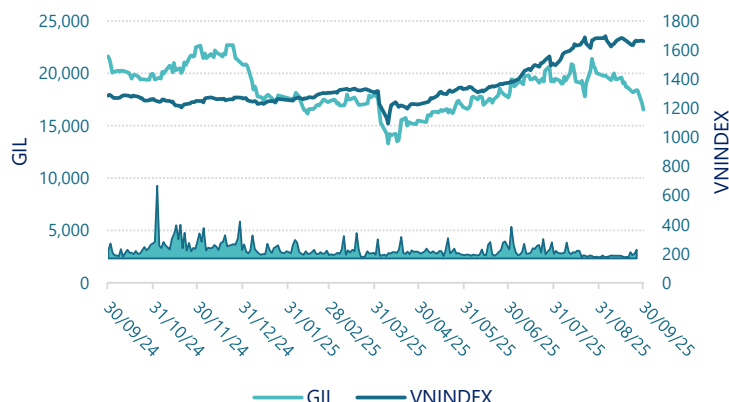


CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (HSX: GIL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	16,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,300
SL cổ phiếu LH	101,596,218
KLGD BQ 20 phiên (CP)	556,425
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,681
P/E	-19.6
EPS	-846

DT thuần

Q3/25

198

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 69.0 | 53.6%

YoY: ▲ 45.0 | 29.5%

LN sau thuế

Q3/25

-33.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 38.7 | 54.0%

YoY: ▼ 35.3 | -1516%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-12.8%

+/- YoY: ▼ 17.0%

DT thuần

9T 2025

453

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 66.0 | -12.7%

LN sau thuế

9T 2025

-103

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 116 | -871%

ROE

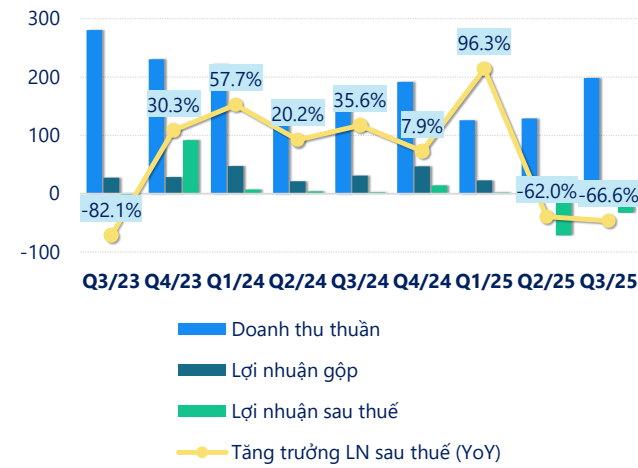
Q3/25

-3.4%

+/- YoY: ▼ 7.5%

tỷ VNĐ

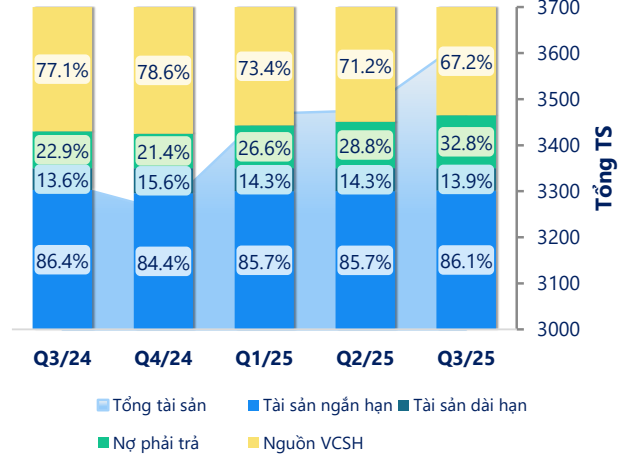
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

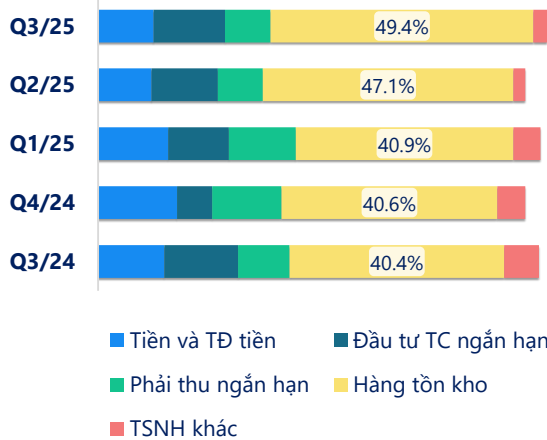
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



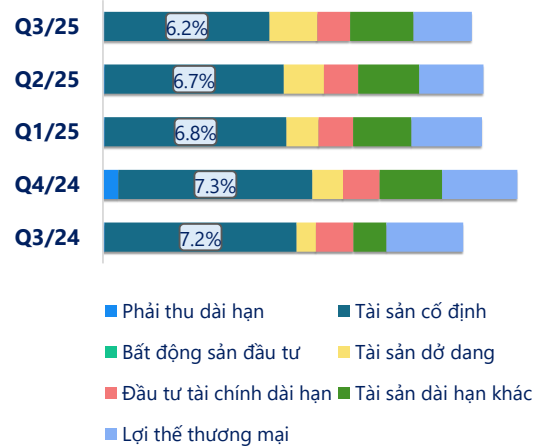
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

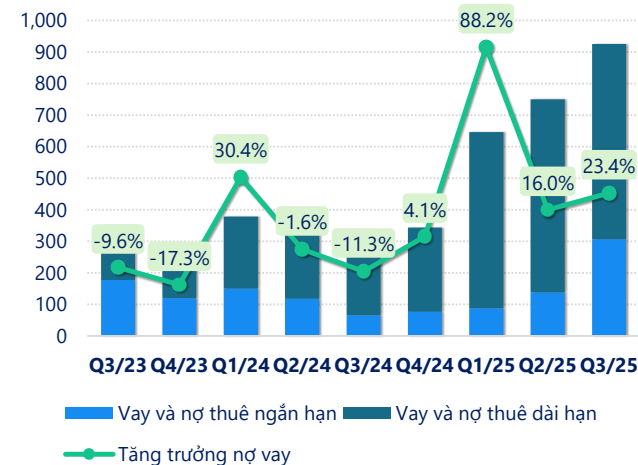
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

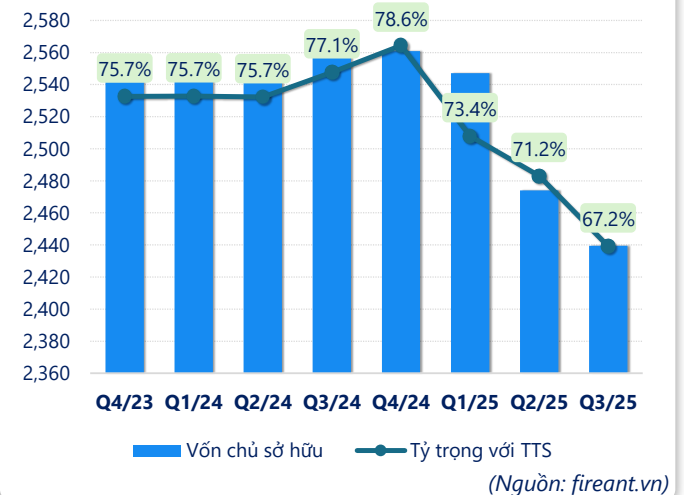
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

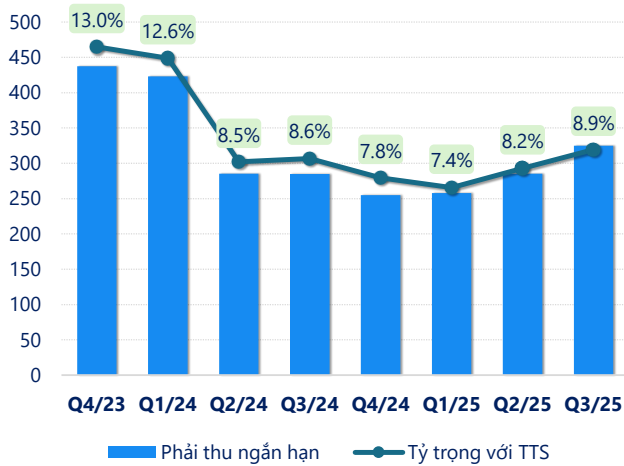
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



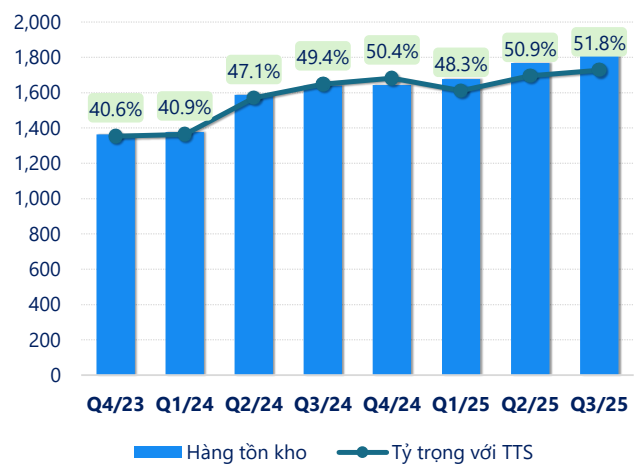
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


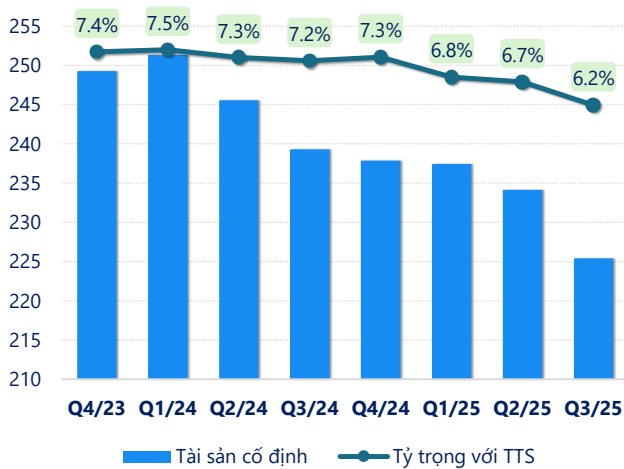
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


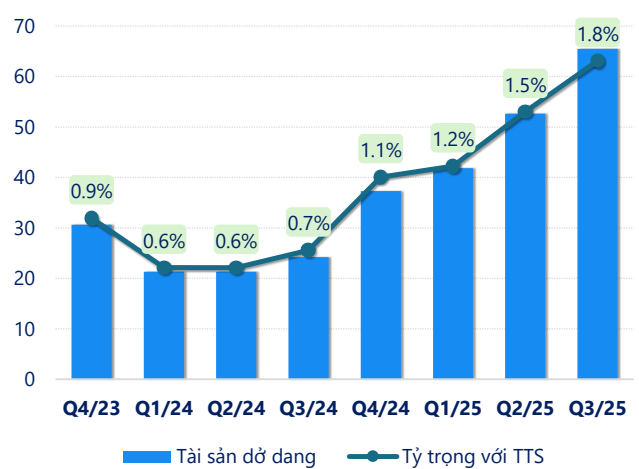
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

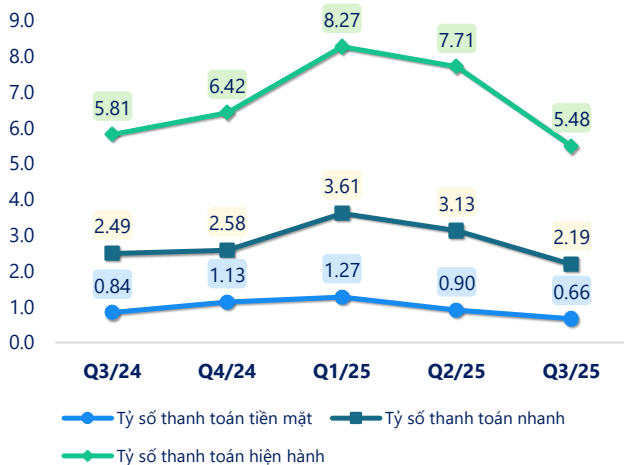
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

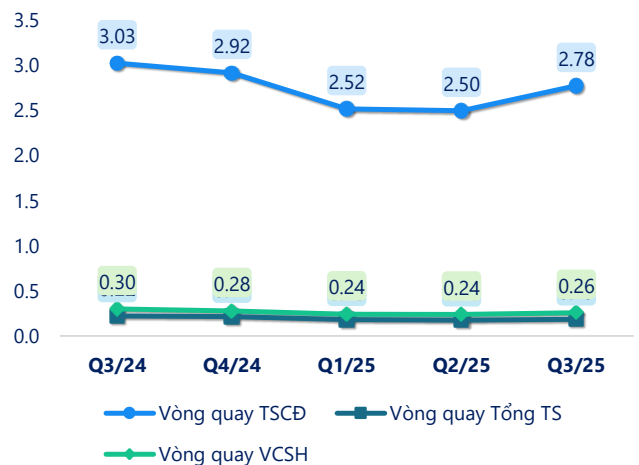
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,318	3,259	3,468	3,475	3,630
Tài sản ngắn hạn	2,868	2,751	2,974	2,978	3,127
Tiền và tương đương tiền	413	484	456	349	378
Đầu tư tài chính ngắn hạn	446	280	522	507	466
Phải thu ngắn hạn	285	255	258	285	325
Hàng tồn kho	1,640	1,644	1,676	1,768	1,881
Tài sản ngắn hạn khác	84.5	87.4	60.8	69.1	76.6
Tài sản dài hạn	450	508	495	497	504
Phải thu dài hạn	2.11	18.9	2.10	2.12	1.92
Tài sản cố định	239	238	237	234	225
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	24.2	37.3	41.9	52.7	65.5
Đầu tư tài chính dài hạn	46.9	44.9	44.9	44.8	44.8
Tài sản dài hạn khác	41.1	76.9	76.3	79.6	86.3
Lợi thế thương mại	96.0	91.9	91.9	83.8	79.8
Nợ phải trả	761	698	921	1,001	1,191
Nợ ngắn hạn	493	429	360	386	570
Vay và nợ thuê ngắn hạn	64.9	76.5	87.5	138	307
Phải trả người bán ngắn hạn	321	238	131	92.3	100
Nợ dài hạn	267	269	561	615	621
Vay và nợ thuê dài hạn	265	267	559	612	618
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,557	2,561	2,547	2,474	2,440
Vốn chủ sở hữu	2,557	2,561	2,547	2,474	2,440
Vốn điều lệ	700	1,016	1,016	1,016	1,016
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)